TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18A/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Quốc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết hoãn phiên toà số 01/2024/QĐST-HNGĐ. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Hoàng Văn H**, sinh năm 1974

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị A**, sinh năm 1973

Đều có HKTT và nơi ở: Đội 6, thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội

Anh H có mặt; chị A vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Văn H trình bày như sau:

Anh Hoàng Văn H và chị Nguyễn Thị A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) ngày 20/10/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên anh H, chị A

mặc dù sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2021 đến tháng 5/2023, mỗi người ở một phòng, không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Trong suốt thời gian ly thân anh H đã khuyên bảo góp ý chị A nhiều lần để vợ chồng cùng xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng chị A không thay đổi, không có thái độ tích cực để gắn kết cuộc hôn nhân của anh chị nên đến tháng 5/2023, anh thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn tình cảm gì nữa, không thể tiếp tục sống cùng nhau nên anh đã làm một căn nhà tạm lợp tôn sát cạnh nhà của anh chị đã xây dựng trước đó để ở riêng một mình và nhờ sự chăm sóc, đỡ đần nấu cơm hằng ngày cho anh từ mẹ đẻ của anh chứ không ở cùng chị A và con trai, con dâu nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị A, chấm dứt tình trạng như hiện nay để anh ổn định cuộc sống. Vì trong 4 năm qua anh chị đã cho nhau thời gian quá dài nhưng vẫn không thể thay đổi được mối quan hệ vợ chồng nên nếu cứ kéo dài tình trạng như vậy sẽ khiến cho cuộc sống hôn nhân của anh chị trở nên rất mệt mỏi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

- Về con chung: Anh H, chị A có 03 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 18/8/1994; Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 27/5/1997 và Hoàng Thị C, sinh ngày 25/9/1999. Ba con chung của anh H, chị A đã trưởng thành, có gia đình riêng đều đã lấy vợ, lấy chồng nên anh không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày như sau:

Chị A thừa nhận việc kết hôn với anh H đúng như anh H đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác qua việc các con chị đọc được tin nhắn điện thoại của anh H. Chị đã tha lỗi cho anh H để vợ chồng về hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên sau đó một thời gian, anh H lại chứng nào tật đấy vẫn tiếp tục quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến chị cảm thấy sợ hãi trong chuyện quan hệ vợ chồng nên giữa chị và anh H ngày càng xa cách, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Anh H không còn quan tâm đến chị và không còn muốn quan hệ vợ chồng với chị, chị A đi bệnh viện anh H cũng không quan tâm đến, mặc kệ các con chăm sóc không hỏi thăm gì đến chị. Anh H đi làm về nhà là chửi vợ con suốt ngày, suốt đêm khiến cho cuộc sống của gia đình chị rất mỏi mệt. Thậm chí có lần vào lúc 12 giờ trưa anh H còn đổ xăng vào người chị để có ý định đốt cháy chị và cả nhà nhưng chị đã can ngăn được. Hiện anh H đã không ở cùng nhà với chị và các con nữa mà xây dựng một căn nhà tạm lợp tôn ngay bên cạnh nhà chị đang ở

để ra ở riêng cùng mẹ anh H. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng như vậy nhưng chị vẫn luôn muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân này để các con chị có bố, có mẹ, các cháu có đầy đủ ông bà. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh H về đoàn tụ với nhau vì anh chị đã có cháu nội, cháu ngoại, không muốn mang tiếng với xã hội.

- Về con chung: Chị A xác định vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 18/8/1994; Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 27/5/1997 và Hoàng Thị C, sinh ngày 25/9/1999. Các con chung của anh, chị đã trưởng thành, có gia đình riêng đều đã lấy vợ, lấy chồng nên chị không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên anh H nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng Anh Hoàng Văn H vẫn cương quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị A.

Chị A đã được Toà án triệu tập, tống đạt hợp lệ 02 lần đến tham gia phiên toà nhưng chị đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định. Xác định tư cách tố tụng đúng quy định, thu thập chứng cứ đúng quy định. Hồ sơ chuyển cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Các đương sự chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy hôn nhân của anh H và chị A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian hai người ly thân đã lâu, mỗi người sống riêng 1 nhà, không còn quan tâm đến nhau nữa. Gia đình và Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Như vậy có thể thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Do đó Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H và xử cho anh H được ly hôn chị A.

+ Về con chung: Anh H, chị A có 03 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 18/8/1994; Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 27/5/1997 và Hoàng Thị C, sinh ngày 25/9/1999. Hiện tại các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

+ Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

+ Về công nợ chung: vợ chồng xác định không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

+ Về án phí: Anh Hoàng Văn H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà,kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn là anh Hoàng Văn H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn với bị đơn là chị Nguyễn Thị A có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Đội 6, thôn V, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Q đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu xin ly hôn:

Anh Hoàng Văn H và chị Nguyễn Thị A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 20/10/1993. Xác định hôn nhân là hợp pháp.

Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị A thấy:

Anh H và chị A đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Vợ chồng sống cùng nhà nhưng anh H, chị A không còn quan hệ tình cảm vợ chồng; cả hai không quan tâm gì tới nhau. Đến tháng 5/2023, vì cuộc sống mâu thuẫn kéo dài, anh H không chịu đựng được nên đã làm một căn nhà tạm lợp tôn trên khoảng đất trống ngay cạnh nhà anh H, chị A đã ở cùng nhau trước đó. Anh H sống một mình, tự đi làm nuôi sống bản thân và được mẹ đẻ anh thường xuyên qua lại nấu cơm, chăm lo cuộc sống cho anh H; chị A sống cùng con trai và con dâu tại nhà cũ, hai bên không nói chuyện được cùng nhau và cũng không quan tâm, chăm sóc và quan hệ tình cảm vợ chồng gì với nhau nữa. Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như vậy sẽ khiến cho cuộc sống của anh rất mệt mỏi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chịu đựng được nên anh H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị A để anh sớm ổn định cuộc sống, chăm lo cho mẹ già.

Mâu thuẫn của anh H, chị A cũng đã được các ban ngành, đoàn

thể ở địa phương và mẹ đẻ anh H xác nhận về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ 2-3 năm nay; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị A nghi ngờ anh H ngoại tình nên không bỏ qua cho anh H để vợ chồng về xây dựng hạnh phúc gia đình khiến cho anh H, chị A phải sống ly thân. Hiện tại anh H cũng xây nhà tạm ra ở riêng cùng mẹ anh H; bản thân hai vợ chồng cũng cố gắng kéo dài thời gian để giải quyết mâu thuẫn nhưng anh H, chị A vẫn không thể hòa hợp được.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình nhưng ở đây anh H đã không còn tình cảm với chị A nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2- 3 năm; hiện tại anh H đã xây nhà ra ở riêng không còn chung sống và sinh hoạt cùng chị A nữa; mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm đến ai, chị A sống cùng các con, anh H sống cùng mẹ đẻ nhờ mẹ đẻ chăm sóc, lo cơm nước cho anh. Chị Nguyễn Thị A cũng đã xác nhận mâu thuẫn vợ chồng qua lời khai và các ý kiến trình bày tại buổi làm việc tại Toà án, chị có đi viện Anh H cũng không quan tâm chăm sóc gì tới chị, vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Mặc dù vậy chị cũng vẫn muốn duy trì cuộc hôn nhân giữa chị và anh H để gia đình đầy đủ bố mẹ cho các con, ông bà cho các cháu và không muốn phải mang tiếng với xã hội về việc ly hôn nên chị không muốn ly hôn anh H. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy có cơ sở cho anh H ly hôn chị A.

[2.2]. Về con chung: Anh H, chị A có 03 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 18/8/1994; Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 27/5/1997 và Hoàng Thị C, sinh ngày 25/9/1999. Các con chung của anh, chị đã trưởng thành, có gia đình riêng đều đã lấy vợ, lấy chồng, anh chị không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh H, chị A đều không có yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án ly hôn này. Anh H, chị A có quyền làm đơn khởi kiện về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn sau.

[2.4] Về nợ chung: Anh H, chị A đều xác định vợ chồng không có công nợ gì chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chị A không phải chịu án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn H. Xử cho anh H ly hôn chị A.

Về con chung: Anh H, chị A có 03 con chung là Hoàng Văn H, sinh ngày 18/8/1994; Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 27/5/1997 và Hoàng Thị C, sinh ngày 25/9/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng đều đã lấy vợ, lấy chồng, anh chị không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: anh H, chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Anh H, chị A xác nhận không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000792 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị A có quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục THADS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu:hồ sơ vụ án; VPTA;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tống Quốc Thanh